

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 16-02-2022.

V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Phúc và bà Nguyễn Thị Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 21/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: Số M, đường N, quận S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T1 – Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng TMCP S - chi nhánh K. "Có mặt".

Bị đơn: Chị Hoàng Thu T;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/6/2018, chị Hoàng Thu T có đăng ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của chị T, Ngân hàng đã đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi

được cấp Thẻ tín dụng, chị T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 55.733.116 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay chị T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 47.510.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do chị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 23/4/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng chị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu chị T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên chị T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký nên Ngân hàng phải khởi kiện chị T ra Tòa án để giải quyết yêu cầu tòa án giải quyết buộc chị Hoàng Thu T phải thanh toán toàn bộ số tiền cho Ngân hàng, tính đến ngày 16/02/2022 là 41.137.637 đồng (*Bốn mươi một triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó: Nợ gốc 21.569.972 đồng; Lãi quá hạn: 19.567.665 đồng và yêu cầu chị T trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/02/2022 theo lãi suất theo quy định tại Hợp đồng cho đến khi chị T trả hết nợ vay.

Bị đơn: Chị Hoàng Thu T trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để bị đơn biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án, nhưng chị T không có ý kiến trả lời về việc khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Người đại diện nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; Bị đơn chị Hoàng Thu T đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Chị Hoàng Thu T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S: Buộc chị Hoàng Thu T trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày

16/02/2022 là 41.137.637 đồng (trong đó, nợ gốc là 21.569.972 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.567.665 đồng) và tiền lãi với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi chị Hoàng Thu T trả hết nợ cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu chị Hoàng Thu T, bị đơn chị Hoàng Thu T có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn chị Hoàng Thu T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thu T.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: bảng sao kê thẻ tín dụng số thẻ, đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 14/6/2018 chị Hoàng Thu T đã được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ với hạn mức 20.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng, nhằm mục đích tiêu dùng của cá nhân.

Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, chị Hoàng Thu T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 55.733.116 đồng. Do chị Hoàng Thu T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính từ ngày giao dịch đến ngày xét xử (14/6/2018 đến ngày 16/02/2022), chị Hoàng Thu T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 41.137.637 đồng (trong đó, nợ gốc là 21.569.972 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.567.665 đồng)

Xét thấy, Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng, nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân giữa chị T với Ngân hàng TMCP S ký kết ngày 14/6/2018 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi, đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, không vi phạm pháp luật về hình thức và nội dung nên có giá trị pháp lý theo Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến nay chị Hoàng Thu T chưa thanh toán đủ khoản gốc và lãi nên chị T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án để bị đơn biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn chị T không đến Tòa án làm việc. Do đó,

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa để giải quyết vụ án và chị T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh của mình. Do đó, Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc chị Hoàng Thu T phải trả cho ngân hàng số tiền 41.137.637 đồng (trong đó, nợ gốc là 21.569.972 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.567.665 đồng) và phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả nợ hết số tiền phải trả.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 41.137.637 đồng x 5% = 2.056.881 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc chị Hoàng Thu T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 41.137.637 đồng (*Bốn mươi mốt triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi bảy đồng*). Trong đó, nợ gốc là 21.569.972 đồng (*Hai mươi mốt triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng*), nợ lãi là 19.567.665 đồng (*Mười chín triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

- **Về án phí:** Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Hoàng Thu T phải chịu 2.056.881 (*Hai triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi mốt đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S 933.000 đồng (*Chín trăm ba mươi ba nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000362 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/02/2022) đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người vắng mặt được

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung